TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 120/2017/HSST.
Ngày: 29/12/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu.
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lường Văn Tình – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 110/2017/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình S, sinh ngày 20/6/1993**, tại Đ

HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh B

Số chứng minh nhân dân: không; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị Bạch Y, sinh năm 1969; Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 04/4/2017 bị TAND huyện B, tỉnh B xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số: 37/2017/HSST. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Đ, tỉnh Đ (Có mặt)

- *Người bị hại:* Chu Văn T; Sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh B

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Xuân N; Sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh B

- *Người làm chứng*: Hoàng Văn U, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 30/7/2017, Nguyễn Đình S mượn xe môtô không có biển kiểm soát của anh Nguyễn Xuân N đi ở thôn B, xã Đ đến thôn Đ, xã Đ với ý định đi tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đến nhà ông Chu Văn T thấy nhà mở cửa, không có ai ở nhà nên S đã dừng xe ở ngoài đường rồi đi bộ vào nhà. Khi vào đến cửa chính, S thấy có 04 - 05 túi ni lông màu trắng bên trong đựng nhân hạt điều đã bóc sạch vỏ lụa để ở góc nhà ngay cửa chính nên S dùng hai tay xách hai túi ni lông hạt điều nhân đi ra ngoài đường đặt lên xe định khởi động máy thì bị ông T đang ngồi ở nhà đối diện phát hiện tri hô cùng mọi người bắt quả tang S cùng tang vật đưa lên Công an xã Đăk Nhau làm việc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình S thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về tội danh mà bị cáo bị truy tố. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản".

Tại bản kết luận định giá tài sản số 58/KL-ĐG ngày 02/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xác định tại thời điểm xảy ra sự việc 10,3 kg hạt điều nhân đã cạo sạch vỏ lụa, loại điều Việt Nam W240 có giá trị là 2.472.000đ.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại Chu Văn T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Về Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô không biển số, qua xác minh xe môtô có biển kiểm soát 61A1-1xxx, giấy đăng ký do Công an Sông Bé cấp ngày 24/01/1995 cho ông Đặng Văn N, thường trú tại xã N, huyện B, tỉnh S đứng tên chủ sở hữu. Xe môtô được ông Ngô Công Q, ngụ tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh B mua lại của ông Đặng Văn N vào năm 1999. Hiện tại ông Ngô Công Q đã bỏ đi khỏi địa phương không xác định được ở đâu nên chưa thể làm việc được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- 10.3kg nhân hạt điều nhân đã cạo sạch vỏ lụa, loại điều Việt Nam W240, ngày 08/8/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Chu Văn T.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Kiểm sát viên không ai có ý kiến về những tài liệu nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 106/CTr-VKS ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Đình S về "Tội trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định

của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm "Tội trộm cắp tài sản". Về hình phạt áp dụng Khoản 1 Điều 138, điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 18; Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S từ 12 đến 24 tháng tù. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, người bị hại không yêu cầu gì nên không xem xét. Về vật chứng vụ án và án phí xử lý theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Đình S thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do không có tiền tiêu xài nên khoảng 20 giờ ngày 30/7/2017, Nguyễn Đình S mượn xe môtô không có biển kiểm soát của anh Nguyễn Xuân N ở thôn B, xã Đ đến thôn Đ, xã Đ tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đến nhà ông Chu Văn T thì S phát hiện không có ai ở nhà nên đã dừng xe ở ngoài đường rồi lén lút đi vào chiếm đoạt hai túi ni lông hạt điều nhân, nhưng khi mang ra ngoài đường thì bị ông Chu Văn T phát hiện tri hô cùng mọi người bắt quả tang. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.472.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ cơ sở khẳng định hành vi lén lút chiếm đoạt hạt điều nhân là tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác có giá trị 2.472.000đ của bị cáo Nguyễn Đình S đã phạm vào "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138. Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử nhiều lần, cụ thể: Ngày 19/10/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án số: 70/2011/HSST, ngày 19/3/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích; Ngày 04/4/2017 tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 37/2017/HSST ngày 04/4/2017. Bị cáo đang trong thời gian chuẩn bị đi chấp hành án, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, đồng thời cần tổng hợp hình phạt của lần phạm tội này với hình phạt của bản án mà bị cáo đang chấp hành theo Điều 51 Bộ luật Hình sự. Qua đó cũng thể hiện bị cáo là người xem thường pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ Luật Hình sự. Bị cáo bị bệnh thuộc hội chứng thận hư là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội chưa đạt đã hoàn thành mà bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô không biển số, qua xác minh xe môtô có biển kiểm soát 61A1-1xxx, giấy đăng ký do Công an Sông Bé cấp ngày 24/01/1995 cho ông Đặng Văn N, thường trú tại xã N, huyện B, tỉnh S đứng tên chủ sở hữu, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bù Đăng tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 10.3kg hạt điều nhân đã cạo sạch vỏ lụa, loại điều Việt Nam W240, ngày 08/8/2017 cơ quan Cảnh sát Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho ông

Chu Văn T. Xét thấy việc trả lại tài sản là đúng chủ sở hữu hợp pháp nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình S phạm "Tội trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 138, điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 18; Điều 52; Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S 01 (một) năm tù.

+ Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 năm 03 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017, bị cáo được trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 23/12/2016 đến ngày 23/3/2017 của bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 04/4/2017.

[2]. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.,

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long